

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2023/HS-ST**
Ngày: 26-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Vân

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Đức D; (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn Q, sinh năm 1971 và bà Triệu Thị K, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 31/8/2023 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Bị hại:** Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990 - Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

Anh Vi Hoàng S, sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

* *Người làm chứng*: Châu Hoàng Thị L, sinh ngày 18/10/2006. Người đại diện theo pháp luật: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1988 - Cùng có địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/6/2023, Hoàng Đức D một mình ngủ trong buồng ngủ ở trên gác tầng 2 của nhà D thuộc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 08 giờ, D dậy đi ra phía ngoài cửa nhìn xuống dưới hiên tầng 1 thấy bố mẹ D là ông Hoàng Văn Q và bà Triệu Thị K đang đứng nói chuyện. Vì trước đó khoảng một tháng khi D nằm trong giường ngủ của D có nhìn thấy ông Q cất tiền vào trong bao thóc màu cam, loại bao dứa nên D liền nảy sinh ý định trộm cắp tiền của ông Q và bà K. D đi vào vị trí có những bao thóc ở góc nhà tầng 2 nơi ông Q đã cất giấu tiền, tìm và thấy trong bao thóc có một tệp tiền được đựng trong một túi bóng màu trắng với mệnh giá các tờ đều là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Sau khi trộm được số tiền, D không đếm mà cất vào trong túi đeo màu đen của D đeo theo người rồi đi xuống tầng 1 hỏi mượn của ông Q chiếc xe mô tô để đi có việc và được ông Q đồng ý. D điều khiển xe mô tô đi xuống thị trấn N, huyện N, rồi vào quán anh Phạm Văn T, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn dùng tiền đã trộm cắp được trả cho anh T số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tiền sửa xe (D nợ tiền anh T đã sửa xe mô tô cho D trước đó). Sau khi trả xong, D một mình điều khiển xe mô tô đi xuống thành phố B chơi. Tại thành phố B, D đã dùng số tiền trộm cắp được để đi vào quán xăm hình (D không nhớ tên quán, địa chỉ cụ thể) để xăm hình ở lưng hết số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày sau khi xăm hình xong, D tiếp tục rủ bạn đi ăn uống tại quán ở bờ đê thành phố B (D không nhớ tên quán) hết số tiền khoảng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), sau khi ăn uống xong D đi xe về nhà. Đến khoảng 11 giờ ngày 25/6/2023, D cùng Hoàng Thị L, sinh năm 2006 trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đi xuống T chơi (Vì tối 24/6/2023 L có rủ D đi cùng), khi trên đường quay về D nhớ ra là cần nạp tiền vào tài khoản chơi game nên D có đi vào quán điện thoại tại thành phố B nhờ chuyển hộ tiền mặt số tiền là 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*) vào tài khoản game, với phí chuyển là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) (D không còn nhớ tên quán, địa chỉ, tên nhân viên nạp tiền), đến khoảng 21 giờ cùng ngày D về đến nhà.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 26/6/2023, D tiếp tục gọi bạn đến nhà đón đi chơi ở trong làng, đến chiều tối cùng ngày D được bạn gọi ra Chợ L uống rượu, sau đó D mời bạn cùng mọi người đi hát Karaoke tại quán hát “HR” do anh Vi Hoàng S, sinh năm 1983 trú tại thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là chủ quán và trả tiền hát hết 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*), sau đó D đi về nhà. Sáng cùng ngày, D trả nhân viên giao hàng do đặt mua điện thoại trên mạng vào ngày 25/6/2023 với số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), loại điện thoại Iphone 11 Promax màu xám đen, địa điểm tại thôn L, xã H.

Đến khoảng hơn 08 giờ ngày 27/6/2023, ông Q khi kiểm tra bao thóc đã cất giấu số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*) thì phát hiện số tiền đã bị mất và D đã thừa nhận được trộm cắp số tiền của ông Q và bà K, đồng thời D cũng trả lại số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) nằm trong số tiền trộm cắp được mà D chưa tiêu hết. Đến trưa ngày 27/6/2023, D bỏ nhà đi chơi đến chiều tối ngày 30/6/2023 khi D đang uống bia tại quán ở Chợ L thì được Công an xã H mời D về làm việc và quá trình làm việc D đã khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm cắp của bản thân.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSNS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Hoàng Đức D về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Hoàng Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST, ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn về tội “Cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của cả hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/7/2023.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 21.500.000 đồng, trong đó có tiền mua điện thoại và tiền bị cáo đã tiêu dùng cá nhân hết. Do đó, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy các phong bì niêm phong ký hiệu X2, D2; Trả lại cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động có gắn thẻ sim.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên. Đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Bị hại không có tranh luận. Lời sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng (đã có đơn xin xét xử vắng mặt), người làm chứng, người đại diện theo pháp luật của người làm chứng vắng mặt. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 24/6/2023 tại nhà ở của gia đình thuộc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Đức D đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*) của ông Hoàng Văn Q (bố đẻ) và bà Triệu Thị K (mẹ đẻ) để mang đi tiêu dùng cá nhân.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hình phạt đối với bị cáo

Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, ngày 31/8/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do thỏa mãn mục đích ăn chơi, đua đòi, không chịu tu dưỡng bản thân nên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa là cần thiết mới đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho gia đình, xã hội và đáp ứng yêu cầu của việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Các phong bì niêm phong bên trong có chứa phong bì niêm phong tiền cũ, điện thoại cũ là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động có gắn 01 thẻ sim là tài sản do bị cáo dùng tiền trộm cắp để mua. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, không đề nghị lấy lại điện thoại và đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo. Bị cáo đề nghị được lấy lại chiếc điện thoại. Xét tiền để mua điện thoại thuộc quyền sở hữu của bị hại, bị hại tự nguyện cho bị cáo nên cần ghi nhận ý kiến của bị hại, trả lại chiếc điện thoại có gắn 01 thẻ sim cho bị cáo.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng bị tạm giữ là tài sản của bị hại, bị hại đề nghị lấy lại nên cần trả lại cho bị hại.

[7] Vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Phạm Văn T là người được bị cáo trả tiền sửa xe mô tô, tuy nhiên anh T không biết số tiền là do bị cáo trộm cắp mà có, đồng thời anh T đã chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với cháu Hoàng Thị L là người đi chơi cùng bị cáo, tuy nhiên L không biết tiền của bị cáo có từ đâu, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với L là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Vi Hoàng S xác nhận có nhóm thanh niên đến quán hát vào tối ngày 26/6/2023 hết số tiền là 1.900.000 đồng. Tuy nhiên anh S không biết có những ai trong nhóm thanh niên đến hát, trả tiền. Đối với số tiền đã thu từ phòng

hát anh S đã sử dụng hết vào việc chi tiêu gia đình. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh S là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với những nơi mà cáo đã xăm hình lưng, mua đồ, ăn uống và nhờ quán điện thoại di động chuyển tiền vào tài khoản chơi game tại thành phố B, do bị cáo không xác định được tên hiệu, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 21.500.000 đồng bị cáo trộm cắp trong tổng số tiền 25.000.000 đồng bị cáo đã tiêu dùng cá nhân hết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu hồi lại được số tiền trên. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Hoàng Đức D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa một phong bì niêm phong tiền cũ, phong bì ký hiệu X2.

- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa một phong bì niêm phong điện thoại cũ, phong bì ký hiệu D2.

2.2. Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức D: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xám có số máy MWGF2LL/A, số seri FCJZK16RN70C, số IMEI 35 389610 145379 7, có gắn thẻ sim số 0365.977.559, điện thoại cũ đã qua sử dụng có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu D1.

2.3. Trả lại cho bị hại Hoàng Văn Q: Số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu X1.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ